TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/HS-ST
Ngày 13 – 7 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sô Lan Tài

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026 theo định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Phan Ngọc S (tên gọi khác: không), sinh ngày 10/10/2000 tại tỉnh Gia Lai; căn cước công dân số: 052200008348; nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phan Ngọc L, sinh năm 1968 và bà Dương Thị Hồng T, sinh năm 1970; Vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 26/3/2024 bị Chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt xong vào ngày 27/02/2024; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 12/02/2026 đến ngày 08/4/2026 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bằng biện pháp ngăn chặn bắt để tạm giam; bị truy nã vào ngày 19/5/2026, đến ngày 25/5/2026 bị bắt, đình nã, tạm giữ đến ngày 28/5/2026 chuyển tạm giam đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Trường tiểu học S1; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc V – Hiệu trưởng Trường tiểu học S1; vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 2002;

địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Ngô Thị Cẩm G, sinh năm 1986.

2. Ông Phan Ngọc L, sinh năm 1968.

3. Bà Dương Thị Hồng T, sinh năm 1970.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì không có tiền tiêu xài nên Phan Ngọc S nảy sinh ý định đến Trường tiểu học S1 cách nhà S khoảng 400m để trộm cắp tài sản bán lấy tiền. Khoảng 03 giờ ngày 17/11/2025, S đi bộ đến trường rồi trèo qua tường rào vào bên trong khuôn viên, lên tầng 2 dãy B của trường, dùng áo khoác đang mặc phủ lên camera ở hành lang tầng 2 rồi đến phòng thư viện. Lúc này, S nhìn vào bên trong phòng thư viện thấy có bộ máy vi tính để trên bàn làm việc, phòng khoá cửa nên S đến gần chân cầu thang, lấy 01 đoạn cây sắt dài khoảng 20cm đập vỡ kính cửa sổ để chui vào bên trong nhưng cửa sổ có đóng đinh nên S không mở được. S tiếp tục dùng cây sắt trên cạy bản lề ổ khoá cửa chính, làm bung bản lề, cửa mở được nên S vứt cây sắt xuống sân trường, rồi mở cửa vào trong phòng thư viện, tháo 01 bộ máy vi tính để bàn gồm: 01 thân máy nhãn hiệu CMS X-Media màu đen, 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu CMS VA2215-H-VN1, 22”, 01 chuột có dây nhãn hiệu CMS màu đen, 01 bàn phím nhãn hiệu CMS màu đen rồi xếp tất cả vào trong 01 thùng giấy có chữ “CMS” có sẵn trong phòng. S vác thùng giấy chứa bộ máy vi tính đi đến camera trên hành lang tầng 2, kéo áo khác đang phủ trên camera xuống, rồi vứt áo ở khuôn viên trường, trèo qua tường rào đi bộ về nhà cất giấu bộ máy vi tính đã chiếm đoạt được tại lều phủ bạt phía sau nhà S ở thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.

Đến khoảng 8 giờ sáng cùng ngày, Nguyễn Vũ P đến nhà S rủ S đi uống cà phê. Lúc này, S cần tiền tiêu xài nên hỏi mượn tiền của P. Thấy P lưỡng lự không muốn cho mượn nên S vào nhà lấy bộ máy vi tính trên, nói là của S, đưa cho P giữ làm tin để P cho S mượn số tiền 500.000 đồng, khi nào S có tiền trả lại cho P và sẽ lấy lại bộ máy vi tính. P đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô chở P ngồi sau ôm thùng giấy chứa bộ máy vi tính trên về nhà P để tại phòng ngủ của P. P đưa cho S mượn 500.000 đồng. S đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 15/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T kết luận tại thời điểm tài sản bị xâm phạm:

+ 01 thân máy (CPU) nhãn hiệu CMS X-Media màu đen, thông tin cấu hình: G7400/H610/Ram 4Gb/SSD 240GB trị giá: 6.400.000 đồng;

+ 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu CMS VA2215-H-VN1, 22”, số serial: WUV214603646 trị giá: 700.000 đồng;

+ 01 chuột có dây nhãn hiệu CMS màu đen trị giá: 50.000 đồng;

+ 01 bàn phím nhãn nhiệu CMS màu đen trị giá: 50.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.200.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2026, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xã T kết luận: 01 tấm kính cửa sổ, loại kính thường, phẳng, trong suốt, kích thước (119x37x0,5)cm tại thời điểm tài sản bị xâm phạm có giá trị là: 120.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thu giữ 01 thân máy (CPU) nhãn hiệu CMS X-Media, 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu CMS VA2215-H-VN1, 22", 01 chuột có dây nhãn hiệu CMS, 01 bàn phín nhãn hiệu CMS và đã trả lại cho Trường tiểu học S1.

Đối với 01 đoạn cây sắt dài khoảng 20 cm, 01 áo khoác của Phan Ngọc S, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại Bản cáo trạng số 53/CT-VKSGLI-KV ngày 22/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Phan Ngọc S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bị cáo Phan Ngọc S đã phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều khoản để quyết định hình phạt đối với bị cáo, cụ thể:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phan Ngọc S từ 09 tháng đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Buộc bị cáo Phan Ngọc S nộp lại 500.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Bị cáo Phan Ngọc S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu và các chứng cứ mà cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Phan Ngọc S nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Ông Nguyễn Quốc V là Người đại diện hợp pháp của bị hại Trường tiểu học S1 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vũ P có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy: Trong quá trình điều tra, ông V và anh P đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Đồng thời bị cáo, những người tham gia tố tụng và những người

tiến hành tố tụng khác cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của ông V, anh P. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phan Ngọc S là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên phải biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, lười lao động, xem thường pháp luật nên vào 03 giờ sáng ngày 17/11/2025, để có tiền tiêu xài cá nhân, S đã có hành vi lén lút trèo tường vào Trường tiểu học S1 chiếm đoạt 01 bộ máy vi tính để tại phòng thư viện của T1, sau đó đưa cho Nguyễn Vũ P để mượn số tiền 500.000 đồng tiêu xài. Theo Kết luận định giá tài sản, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 7.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý.

Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như nội dung Bản cáo trạng số 53/CT-VKSGLI-KV ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Về nhân thân: Ngày 26/3/2024 Chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Phan Ngọc S số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt xong vào ngày 27/02/2024. Ngoài ra, trong giai đoạn điều tra truy tố bị cáo S bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" nhưng bỏ trốn chứng tỏ bị cáo chưa có ý thức chấp hành pháp luật. Do đó, bị cáo S có nhân thân xấu.

4.2. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

4.3. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Ngọc S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo đã tự nguyện sửa chữa phần tài sản hư hỏng cho Trường tiểu học S1 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương nên cần phải xử lý

nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung thì cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Bị cáo Phan Ngọc S không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng trong vụ án:

[8.1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thu giữ 01 thân máy (CPU) nhãn hiệu CMS X-Media, 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu CMS VA2215-H-VN1, 22", 01 chuột có dây nhãn hiệu CMS, 01 bàn phín nhãn hiệu CMS là tài sản thuộc sở hữu của Trường tiểu học S1 nên Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho Trường tiểu học S1 là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 đoạn cây sắt dài khoảng 20 cm, 01 áo khoác của Phan Ngọc S, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Vũ P, khi nhận bộ máy vi tính trộm cắp từ Phan Ngọc S và đưa S mượn 500.000 đồng, P không biết tài sản này do S trộm cắp mà có, chưa sử dụng bộ máy vi tính, không hưởng lợi gì nên không phạm tội.

Đối với ông Phan Ngọc L, bà Dương Thị Hồng T là cha mẹ của Phan Ngọc S không biết việc S mang bộ máy vi tính trộm cắp được về nhà cất giấu nên không phạm tội.

Đối với hành vi đập phá tấm kính cửa sổ có giá trị 120.000 đồng của Phan Ngọc S chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xử lý hình sự, chuyển xử lý hành chính đối với S là có căn cứ.

[10] Đối với số tiền 500.000 đồng Phan Ngọc S nhận của Nguyễn Vũ P: Tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai Nguyễn Vũ P không yêu cầu giải quyết số tiền 500.000 đồng đã đưa cho Phan Ngọc S mượn nên theo tinh thần tại Mục 3 Giải đáp số 233/TANDTC-PC ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Phan Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106, Điều 136, 292, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Ngọc S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/5/2026.

3. Án phí: Buộc bị cáo Phan Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu